

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18/7/2022

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Út

Ông Lê Minh Toàn

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Võ Ngọc Minh T**, sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 36/7, khóm 2, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Lâm Duy T1**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Võ Ngọc Minh T trình bày:*

Vào năm 2017 qua quen biết chị T và anh Lâm Duy T1 tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 57, ngày 14/8/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống ở nhà anh T1 tại ấp A, xã B, huyện Long Hồ. Khi chung sống với nhau anh T1 không lo chí thú làm ăn mà chỉ ăn chơi lêu lổng, khi chị T góp ý thì anh T1 còn dùng nhiều lời xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị và còn nhiều lần sử dụng bạo lực gia đình với chị T. Lúc anh T1 đánh đập chị T thì chị không có trình báo chính quyền địa phương vì nghĩ đây là chuyện gia đình, hơn nữa chị vẫn còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, tạo cơ hội cho anh T1 sửa đổi nên không trình báo, tuy nhiên anh T1 vẫn không sửa đổi tính nết. Đến tháng 4/2021 chị T và anh T1 đã ly thân với nhau, chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, từ lúc đó đến nay anh T1 vẫn không có thiện ý hàn gắn tình cảm với chị T. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Duy T1.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 21/6/2022 chị Võ Ngọc Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Lâm Duy T1 vắng mặt tại phiên xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 21/6/2022 nguyên đơn chị Võ Ngọc Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Lâm Duy T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Ngọc Minh T và anh Lâm Duy T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 57 ngày 14/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Chị T trình bày trong thời gian chung sống chị và anh T1 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, tính tình không hòa hợp nên hai người rất ít quan tâm chăm sóc nhau. Anh T1

thường xuyên ăn chơi không chăm lo cuộc sống gia đình, lúc nhậu say anh T1 còn đánh đập chị. Chị T đã ly thân với anh T1 từ tháng 4/2021 đến nay, chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống nhưng anh T1 không đến thăm nom, cũng không liên lạc với chị T. Tòa án đã triệu tập anh T1 nhiều lần nhưng anh T1 đều vắng mặt không lý do, điều này thể hiện anh T1 đã không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, hai người đã không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1.

[4] Về con chung: Chị Võ Ngọc Minh T và anh Lâm Duy T1 không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Võ Ngọc Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc Minh T.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Ngọc Minh T được ly hôn với anh Lâm Duy T1.

2. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Ngọc Minh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Võ Ngọc Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003819 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mai Ka